

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN THỊ HƯƠNG

**TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM
HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ
TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ**

*Chuyên ngành: Luật quốc tế
Mã số: 60 38 60*

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS. LÊ VĂN BÌNH

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2014

Có thể tìm hiểu luận văn tại

Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội

Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC

Trang

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục từ viết tắt	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN VỀ HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ	6
1.1. Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	6
1.1.1. Khái niệm	6
1.1.2. Đặc điểm của Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	12
1.1.3. Điều kiện có hiệu lực của Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	18
1.1.4. Luật điều chỉnh Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	24
1.2. Trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	32
1.2.1. Khái niệm về trách nhiệm pháp lý và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.....	33
1.2.2. Các yếu tố cấu thành trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	38
1.2.3. Các căn cứ miễn trách nhiệm và chế tài do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	39
Chương 2: TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ	41
2.1. Căn cứ để quy trách nhiệm do vi phạm hợp đồng	41
2.1.1. Có sự vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.....	41
2.1.2. Có thiệt hại về tài sản của bên bị vi phạm	44
2.1.3. Có lỗi của bên vi phạm hợp đồng	45
2.1.4. Có quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm hợp đồng của bên vi phạm và thiệt hại về tài sản của bên bị vi phạm	47
2.2. Các hình thức trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	49
2.2.1. Chế tài buộc thực hiện đúng hợp đồng	49
2.2.2. Chế tài phạt vi phạm	52
2.2.3. Chế tài bồi thường thiệt hại.....	56
2.2.4. Chế tài tạm ngừng thực hiện hợp đồng.....	60
2.2.5. Chế tài đình chỉ thực hiện hợp đồng	61
2.2.6. Chế tài hủy bỏ hợp đồng	62

2.3. Trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo quy định của Công ước Viên năm 1980 và pháp luật quốc gia	70
2.3.1. Điểm giống nhau.....	70
2.3.2. Sự khác nhau trong quy định của Công ước Viên và pháp luật quốc gia về các hình thức trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.....	71
2.4. Các căn cứ miễn trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	72
2.4.1. Sự kiện bất khả kháng.....	72
2.4.2. Miễn trách nhiệm do lỗi của bên bị vi phạm.....	81
2.4.3. Miễn trách nhiệm theo quy định của Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.....	83
2.4.4. Miễn trách nhiệm khi người thứ ba có quan hệ với một bên của hợp đồng gặp bất khả kháng.....	84
2.4.5. Trường hợp miễn trách nhiệm khác.....	85
Chương 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ	88
3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam về chế độ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	88
3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về chế độ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế nhằm tạo điều kiện để doanh nghiệp Việt Nam chọn luật Việt Nam áp dụng cho hợp đồng.....	88
3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về chế độ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế để tạo thuận lợi cho các cơ quan tài phán khi giải quyết tranh chấp về Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.....	90
3.2. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam về chế độ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế ..	90
3.2.1. Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về chế độ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.....	90
3.2.2. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam về trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.....	94
KẾT LUẬN	101
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	103

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn hiện nay được xây dựng và phát triển trên nền tảng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta là phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Qua hơn hai thập niên đổi mới và phát triển đã khẳng định đường lối phát triển đất nước của Đảng ta là đúng đắn khi đưa đất nước ta từ một nước với nền nông nghiệp lạc hậu chuyển mình thành một đất nước có nền kinh tế đa dạng, phong phú, kết hợp được sức mạnh bên trong và tận dụng được sự hỗ trợ bên ngoài. Đặc biệt trong những năm gần đây nền kinh tế nước ta thay đổi từng ngày, từng giờ trên cả bình diện trong nước và quốc tế.

Góp phần vào sự phát triển của nền kinh tế, tạo tiềm lực và củng cố các điều kiện cần thiết cho quá trình hội nhập kinh tế thế giới, trong hơn hai thập kỷ qua lĩnh vực xuất nhập khẩu đã chứng minh vai trò quan trọng của mình trong sự nghiệp phát triển chung của nền kinh tế Việt Nam. Lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu đã đạt mức tăng trưởng cao. Cùng với những thành tích xuất sắc đã đạt được, lĩnh vực xuất nhập khẩu vẫn còn nhiều tồn tại mà nguyên nhân chủ yếu là trình độ phát triển của đất nước còn thấp, sức cạnh tranh của hàng hóa chưa cao, năng lực, trình độ của doanh nghiệp xuất nhập khẩu còn hạn chế.

Trong suốt sự phát triển của đất nước có sự đóng góp không nhỏ của hoạt động kinh tế đối ngoại nói chung và mua bán hàng hóa quốc tế nói riêng. Bên cạnh những kết quả đạt được thì trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế nhiều khi khó khăn, cản trở đến từ chính cơ chế, chính sách và pháp luật. Mua bán hàng hóa quốc tế nhiều khi không thuận lợi, các vụ vi phạm ngày càng gia tăng với tính chất ngày càng phức tạp. Việc giải quyết các vi phạm này phụ thuộc rất nhiều vào cả yếu tố chủ quan và khách quan, trong đó một số yếu tố thường xảy đến với doanh nghiệp Việt Nam là khả năng cạnh tranh không cao, thiếu kinh nghiệm trong giao thương

quốc tế, thiếu hiểu biết về pháp luật cũng như các tập quán thương mại quốc tế, áp dụng pháp luật còn non kém... lại phải đối mặt với các doanh nghiệp nước ngoài có bề dày kinh nghiệm thương trường quốc tế, sắc sảo và kinh nghiệm trong đàm phán, ký kết hợp đồng, hiểu biết và vận dụng tốt pháp luật cũng như các tập quán thương mại quốc tế. Vì thế các doanh nghiệp Việt Nam thường bị thiệt thòi trong các tranh chấp quốc tế.

Với việc gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) và hội nhập kinh tế thế giới ngày càng sâu rộng của kinh tế Việt Nam, pháp luật về thương mại quốc tế đã và đang là công cụ hữu hiệu và vô cùng cần thiết để bảo vệ các doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, thực trạng pháp luật Việt Nam hiện hành về thương mại nói chung và Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế), trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế nói riêng còn nhiều bất cập, hạn chế cần được khắc phục. Vì vậy việc hoàn thiện hệ thống pháp luật thương mại nói chung và pháp luật về Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế nói riêng mang tính cấp thiết, cần được nghiên cứu nghiêm túc và điều chỉnh kịp thời.

Luật thương mại đã đi vào cuộc sống được 8 năm, thực tiễn thi hành luật đối với trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bộc lộ nhiều bất cập. Việc nghiên cứu toàn diện và có hệ thống từ những vấn đề lý luận, thực tiễn về chế độ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế được quy định bởi pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam là một vấn đề mang tính cấp bách, có ý nghĩa quan trọng nhằm góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, công dân Việt Nam trong hoạt động thương mại quốc tế. Đồng thời, việc đi sâu nghiên cứu chế độ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế giúp cho các doanh nghiệp Việt Nam hiểu rõ, vận dụng có hiệu quả pháp luật và các tập quán thương mại quốc tế trong quá trình thực hiện Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Từ đó đề xuất, kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực này.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Mua bán hàng hóa quốc tế nói chung và một số khía cạnh chuyên sâu về pháp luật mua bán hàng hóa quốc tế nói riêng đã được một số chuyên gia, học giả nghiên cứu. Đối với khía cạnh chế độ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, ở Việt Nam đã có một số công trình nghiên cứu ở các cấp độ khác nhau: “Trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và vấn đề hoàn thiện pháp luật Việt Nam” của Trương Văn Dũng, Luận án Tiến sỹ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2003. “Hợp đồng mua bán hàng hóa với thương nhân nước ngoài theo pháp luật Việt Nam” của Trương Anh Tuấn, Luận văn Thạc sỹ Luật học, Khoa Luật, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003. “Pháp luật về bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng trong kinh doanh – thực trạng và phương hướng hoàn thiện” của Quách Thúy Quỳnh, Luận văn Thạc sỹ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2005. “Trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo quy định của pháp luật Việt Nam” của Nguyễn Thụy Phương, Luận văn Thạc sỹ Luật học, Khoa Luật, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008.

Trong các công trình nêu trên, một số công trình đề cập một cách khái quát hầu hết các vấn đề về mua bán hàng hóa quốc tế trong bối cảnh Việt Nam mới hội nhập kinh tế quốc tế; một số công trình khác nghiên cứu chuyên sâu về pháp luật Việt Nam điều chỉnh chế độ trách nhiệm vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế hoặc một chế tài cụ thể đối với hành vi vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế; chưa có công trình nghiên cứu chuyên sâu về trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam, đặc biệt là sau khi Việt Nam đã gia nhập Tổ chức thương mại Thế giới, và đây là luận văn thạc sỹ đầu tiên nghiên cứu vấn đề này.

3. Mục đích và nhiệm vụ của đề tài

Mục đích: Làm sáng tỏ một cách có hệ thống chế độ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, đặc biệt là căn cứ để quy trách nhiệm, các hình thức trách nhiệm và các căn cứ để miễn trách nhiệm

cho bên vi phạm hợp đồng. Từ thực tiễn áp dụng đề xuất, kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam về chế độ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

Nhiệm vụ: Với mục đích trên, đề tài có các nhiệm vụ sau: Làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận chung về Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế; Phân tích và so sánh các căn cứ quy trách nhiệm, các chế độ trách nhiệm và các căn cứ miễn trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo Luật thương mại Việt Nam năm 2005 (LTMVN) với những quy định tương ứng theo Công ước Viên năm 1980 về mua bán hàng hóa quốc tế và pháp luật một số nước, pháp luật khu vực; Rút ra một số điểm còn bất cập, chưa hợp lý của LTMVN về trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế; Đưa ra một số kiến nghị, đề xuất nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật Việt Nam về chế độ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

4. Phạm vi nghiên cứu

Trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là một vấn đề rộng và tương đối phức tạp. Trong khuôn khổ của một luận văn thạc sỹ luật học, khi nghiên cứu về chế độ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, luận văn giới hạn ở việc phân tích các yếu tố cấu thành trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, các căn cứ miễn trách nhiệm và các chế tài do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo quy định của: Một số văn bản pháp luật quốc tế như Công ước Viên năm 1980 về Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, Công ước Lahaye năm 1964 về mua bán quốc tế những động sản hữu hình, Bộ nguyên tắc UNIDROIT về hợp đồng thương mại quốc tế...Hệ thống pháp luật Việt Nam điều chỉnh quan hệ mua bán hàng hóa quốc tế như: Bộ luật dân sự năm 2005, Luật thương mại năm 2005 (có đối chiếu, so sánh với Luật thương mại năm 1997 đã hết hiệu lực thi hành); Pháp luật của một số quốc gia về lĩnh vực này mà có quan hệ thương mại thường xuyên với Việt Nam như: Trung Quốc, Mỹ, Pháp.

Ngoài ra, do hiện nay khái niệm về hàng hóa đã có nhiều thay đổi,

hàng hóa theo cách hiểu hiện nay bao gồm hàng hóa hữu hình và hàng hóa vô hình, việc mua bán hai loại hàng hóa này có nhiều điểm đặc thù, do đó trách nhiệm do vi phạm hợp đồng đối với hai loại hàng hóa này ngoài những điểm giống nhau cũng có nhiều điểm khác nhau. Phạm vi nghiên cứu của luận văn chỉ giới hạn ở việc mua bán quốc tế hàng hóa hữu hình.

5. Phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận của Đề tài là quan điểm của Chủ Nghĩa Mác – Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về pháp luật. Dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, Đề tài đặc biệt coi trọng các phương pháp hệ thống, lịch sử, logic, tổng hợp, phân tích, diễn giải, quy nạp, so sánh pháp luật.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

Những phân tích, đánh giá và kiến nghị của đề tài có ý nghĩa lý luận và thực tiễn trong việc ký kết và hạn chế rủi ro, tranh chấp trong việc thực hiện Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, góp phần kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam về chế độ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Đề tài cũng giúp các doanh nghiệp Việt Nam hiểu và vận dụng tốt hơn pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

7. Bố cục của Luận văn

Luận văn ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

Chương 2: Trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Chương 3: Một số kiến nghị Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Chương 1

TỔNG QUAN VỀ HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ

1.1. Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

1.1.1 . Khái niệm

Theo Công ước La Haye năm 1964 về mua bán quốc tế những động sản hữu hình quy định: Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là hợp đồng mua bán hàng hóa được ký kết giữa các bên có trụ sở thương mại đóng ở các nước khác nhau và hàng hóa được chuyển từ nước người bán sang nước người mua, hoặc ký kết hợp đồng được diễn ra ở các nước khác nhau.

Theo Công ước Liên hợp quốc về Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế năm 1980: chỉ có một tiêu chí duy nhất để xác định một hợp đồng là Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là tiêu chí bên mua và bên bán phải có trụ sở thương mại ở các nước khác nhau.

Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo quan điểm của Pháp: căn cứ vào hai tiêu chuẩn kinh tế và pháp lý.

Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo quy định của pháp luật Việt Nam:

Bộ luật Dân sự quy định: Hợp đồng mua bán tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao tài sản cho bên mua và nhận tiền, còn bên mua có nghĩa vụ nhận tài sản và trả tiền cho bên bán. Để hợp đồng mua bán tài sản trở thành Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế thì hợp đồng phải thêm điều kiện yếu tố quốc tế, pháp luật Việt Nam trong từng giai đoạn phát triển của đất nước lại quy định không hoàn toàn giống nhau về khái niệm hoặc tiêu chí xác định yếu tố quốc tế của Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

1.1.2. Đặc điểm của Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Thứ nhất, Chủ thể của Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là các bên có trụ sở thương mại đặt tại các nước khác nhau.

Thứ hai, Đối tượng của Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế: là

hàng hóa hữu hình được phép lưu thông trong phạm vi quốc gia và quốc tế, có thể di chuyển qua biên giới hải quan của một nước.

Thứ ba, đồng tiền dùng để thanh toán trong Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế: đồng tiền dùng trong thanh toán có thể là đồng tiền của một trong các bên tham gia hợp đồng tức là có thể là ngoại tệ đối với một hoặc cả hai bên tham gia hợp đồng, có thể là đồng tiền của một nước thứ ba, có thể là đồng tiền được sử dụng trong khu vực, cũng có thể là đồng tiền được dùng trên phạm vi toàn thế giới.

Thứ tư, ngôn ngữ của Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế: ngôn ngữ của hợp đồng cũng đa dạng: có thể ngôn ngữ mẹ đẻ đối với cả hai bên, có thể là ngoại ngữ đối với một hoặc cả hai bên.

Thứ năm, về giải quyết tranh chấp: tranh chấp về việc giao kết và thực hiện Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế có thể được giải quyết bởi tòa án nước ngoài hoặc trọng tài nước ngoài đối với một hoặc cả hai bên tham gia hợp đồng.

Thứ sáu, về nơi ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế: việc giao kết hợp đồng có thể diễn ra ở nước ngoài đối với một hoặc cả hai bên.

Thứ bảy, luật điều chỉnh Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế: nguồn luật điều chỉnh hợp đồng có thể là luật quốc gia, điều ước quốc tế, tập quán thương mại quốc tế, thậm chí là án lệ.

1.1.3. Điều kiện có hiệu lực của Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Thứ nhất, chủ thể của Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là bên mua và bên bán phải có đủ tư cách pháp lý (chủ thể của hợp đồng phải hợp pháp): Chủ thể của Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế có thể là pháp nhân hoặc tự nhiên nhân. Pháp nhân, tự nhiên nhân phải có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi.

Thứ hai, nội dung của hợp đồng phải hợp pháp: Nội dung của hợp đồng hợp pháp là không được trái pháp luật, không bị pháp luật cấm.

Thứ ba, hình thức của hợp đồng phải hợp pháp: Phần lớn các nước có nền kinh tế phát triển như Anh, Mỹ, Pháp, Đức cho rằng hình thức của Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế có thể được ký kết bằng miệng, bằng văn bản hay bằng bất kỳ hình thức nào khác do bên bán và bên mua tự

thỏa thuận. Ngược lại, những nước có nền kinh tế kém phát triển hơn thì cho rằng Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế phải được ký kết bằng văn bản hoặc hình thức pháp lý tương đương như: thư từ, điện tín, telex, fax. Việt Nam là quốc gia theo quan điểm thứ hai. Công ước Viên năm 1980 phải công nhận cả hai quan điểm trên.

Thứ tư, hợp đồng phải được ký kết trên cơ sở tự nguyện: Đây là nguyên tắc cơ bản trong giao kết hợp đồng nói chung và Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế nói riêng.

1.1.4. Luật điều chỉnh Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Luật quốc gia:

Luật quốc gia sẽ trở thành nguồn luật điều chỉnh quan hệ mua bán hàng hóa quốc tế và điều chỉnh Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

Trường hợp thứ nhất: Các bên thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế chọn luật quốc gia là nguồn luật điều chỉnh hợp đồng.

Trường hợp thứ hai: Các bên thỏa thuận chọn luật quốc gia điều chỉnh hợp đồng bằng một thỏa thuận khác sau khi Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế đã được ký kết bởi các bên.

Trường hợp thứ ba: Luật quốc gia được quy định là luật điều chỉnh hợp đồng trong các điều ước quốc tế hữu quan.

Trường hợp thứ tư: Luật quốc gia được cơ quan tài phán (tòa án, trọng tài) giải quyết tranh chấp giữa hai bên lựa chọn.

Điều ước thương mại quốc tế:

Điều ước thương mại quốc tế gồm hai loại:

Loại thứ nhất là các điều ước quốc tế quy định những nguyên tắc chung, làm cơ sở pháp lý cho hoạt động thương mại quốc tế nói chung và hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế nói riêng. Các điều ước này có thể là điều ước song phương hoặc điều ước đa phương.

Loại thứ hai là các điều ước quốc tế trực tiếp quy định quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

Các điều ước thương mại quốc tế mà quốc gia chưa ký kết, gia nhập hoặc tham gia thì không có giá trị pháp lý bắt buộc đối với chủ thể của quốc gia đó.

Tập quán thương mại quốc tế:

Để trở thành tập quán thương mại quốc tế, thói quen phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

Thứ nhất là thói quen đó mang tính chất phổ biến, được nhiều nước áp dụng thường xuyên, liên tục. Tức là thói quen phải được nhiều thương nhân công nhận, áp dụng và qua đó được nhiều tòa án, trọng tài thương mại áp dụng;

Thứ hai đó là thói quen duy nhất trong mối quan hệ về một vấn đề nhất định;

Thứ ba là thói quen có nội dung rõ ràng mà người áp dụng có thể dựa vào nó để xác định quyền và nghĩa vụ với nhau.

Các tập quán thương mại có thể được chia thành ba loại: tập quán thương mại có tính chất nguyên tắc, tập quán thương mại có tính chất chung và tập quán thương mại khu vực.

Ngoài ba nguồn luật ở trên, thực tiễn quan hệ mua bán hàng hóa quốc tế còn thừa nhận các án lệ, các hợp đồng mẫu là nguồn luật áp dụng cho Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

1.2. Trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

1.2.1. Khái niệm về trách nhiệm pháp lý và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Khái niệm về trách nhiệm pháp lý:

Trách nhiệm pháp lý là hậu quả bất lợi mà chủ thể vi phạm pháp luật phải gánh chịu do hành vi xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể khác, được đảm bảo thực hiện bằng các biện pháp cưỡng chế do pháp luật quy định nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể bị vi phạm.

Khái niệm về trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế:

Thứ nhất, điều kiện để quy trách nhiệm vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế: có sự vi phạm hợp đồng, có thiệt hại tài sản của bên bị vi phạm, có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm hợp đồng và thiệt hại tài sản xảy ra, có lỗi của bên vi phạm.

Thứ hai, về tính chất của trách nhiệm: Trách nhiệm do vi phạm Hợp

đồng mua bán hàng hóa quốc tế mang tính bắt buộc, cưỡng chế đối với bên vi phạm. Trách nhiệm này là trách nhiệm vật chất.

Thứ ba, hình thức của trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế: có nhiều hình thức trách nhiệm cho bên vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế như: trả cho bên bị vi phạm tiền phạt vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường thiệt hại, buộc bên vi phạm thực hiện đúng hợp đồng hoặc hủy hợp đồng do có một bên vi phạm hợp đồng.

Thứ tư, về thẩm quyền áp dụng: Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế có thể được áp dụng bởi cơ quan tài phán nước ngoài hoặc cơ quan tài phán phi chính phủ như cơ quan trọng tài của quốc gia khác, trọng tài quốc tế...

Thứ năm, mục đích áp dụng các chế tài: mục đích chính của việc quy định trách nhiệm đối với bên vi phạm hợp đồng là khôi phục lợi ích vật chất, bù đắp những tổn thất vật chất cho bên bị vi phạm nhằm đảm bảo lợi ích chính đáng của bên bị vi phạm.

Có thể đưa ra khái niệm trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế như sau: *Trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là hậu quả pháp lý bất lợi với các chế định, chế tài được quy định bởi pháp luật và hợp đồng áp dụng đối với bên vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế nhằm phục hồi quyền lợi cho bên bị vi phạm, được đảm bảo thực hiện bằng biện pháp do pháp luật quy định.*

1.2.2. Các yếu tố cấu thành trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Để quy trách nhiệm cho bên vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, cần phải căn cứ và đảm bảo có đầy đủ bốn yếu tố: có hành vi vi phạm pháp luật của bên vi phạm; bên bị vi phạm có thiệt hại tài sản; có lỗi của bên vi phạm; có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm pháp luật của bên vi phạm và thiệt hại của bên bị vi phạm.

1.2.3. Các căn cứ miễn trách nhiệm và chế tài do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Theo quy định của Việt Nam và của nhiều nước, có bốn trường hợp hoặc bốn căn cứ miễn trách nhiệm cho các bên là: Xảy ra trường hợp miễn trách nhiệm mà các bên đã thoả thuận; Xảy ra sự kiện bất khả kháng; Hành

vi phạm của một bên hoàn toàn do lỗi của bên kia; Hành vi vi phạm của một bên do thực hiện quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà các bên không thể biết được vào thời điểm giao kết hợp đồng.

Ngoài các trường hợp được miễn trách nhiệm ở trên, Công ước viên năm 1980 còn quy định thêm 1 trường hợp nữa để được miễn trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là “do lỗi của người thứ ba”.

Chế tài do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế:

Pháp luật quy định trách nhiệm của bên vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế thông qua các chế tài, các chế tài này mang tính chất tài sản. Pháp luật của các nước khác nhau có quy định không đồng nhất, thậm chí có nhiều khác biệt về các chế tài này.

Chương 2

TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ

2.1. Căn cứ để quy trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

2.1.1. Có sự vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Vi phạm hợp đồng là việc không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nghĩa vụ của hợp đồng.

Xem xét về vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế cần xác định được vi phạm đó là vi phạm cơ bản hay không cơ bản vì trách nhiệm của bên vi phạm trong các trường hợp này là khác nhau.

2.1.2. Có thiệt hại về tài sản của bên bị vi phạm

Pháp luật quốc tế về mua bán hàng hóa cũng như pháp luật các nước đều có quy định mang tính nguyên tắc là có thiệt hại thì mới phải bồi thường, nếu không có thiệt hại thì dù có vi phạm hợp đồng cũng không phải bồi thường.

2.1.3. Có lỗi của bên vi phạm hợp đồng

Pháp luật Việt Nam quy định lỗi trong trách nhiệm dân sự tại điều 308 của Bộ luật Dân sự như sau: Người không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự thì phải chịu trách nhiệm dân sự khi có lỗi cố

ý hoặc lỗi vô ý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. Trong quan hệ bồi thường thiệt hại do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, bên bị vi phạm có nghĩa vụ chứng minh việc vi phạm của bên kia và thiệt hại vật chất thực tế của mình; ngược lại nếu bên vi phạm không muốn phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại thì phải chứng minh mình không vi phạm hợp đồng hoặc nếu vi phạm hợp đồng thì không có lỗi.

Công ước Viên không quy định vấn đề lỗi trong vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, bởi như phân tích ở trên, việc vi phạm hợp đồng đã bao hàm yếu tố lỗi trong đó. Và theo đó, bên vi phạm hợp đồng đương nhiên phải chịu trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.

2.1.4. Có quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm hợp đồng của bên vi phạm và thiệt hại về tài sản của bên bị vi phạm

Bên vi phạm hợp đồng chỉ phải chịu trách nhiệm nếu bên bị vi phạm chứng minh được rằng hành vi vi phạm là nguyên nhân và thiệt hại về tài sản của bên bị vi phạm là hậu quả trực tiếp của hành vi vi phạm. Mối quan hệ này là mối quan hệ mang tính chất nội tại, tất yếu. Hành vi vi phạm hợp đồng là nguyên nhân trực tiếp, có ý nghĩa quyết định đối với thiệt hại xảy ra và ngược lại thiệt hại là hậu quả trực tiếp của hành vi vi phạm hợp đồng.

2.2. Các hình thức trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

2.2.1. Chế tài buộc thực hiện đúng hợp đồng

Công ước Viên quy định chế tài buộc thực hiện đúng hợp đồng được áp dụng trong các trường hợp vi phạm như sau: Một là Người bán giao hàng không phù hợp với hợp đồng; hai là Người bán không giao hàng; ba là các trường hợp khác mà các bên có quyền áp dụng chế tài buộc thực hiện đúng hợp đồng: Người bán giao thiếu hàng thì người mua có quyền yêu cầu giao đủ hàng, giao hàng mà không có chứng từ thì phải bổ sung chứng từ đầy đủ, giao chậm hàng thì các lần giao hàng tiếp theo phải giao đúng hạn.

Theo Luật thương mại thống nhất Hoa Kỳ (UCC), buộc thực hiện đúng hợp đồng được áp dụng trong một số trường hợp sau: khi hàng hóa là duy

nhất; hai là thanh toán theo đúng hợp đồng, thiệt hại và các khoản trợ giúp khác mà Tòa án coi là chính đáng, ba là áp dụng biện pháp tương tự nhằm thực hiện đúng hợp đồng trong trường hợp hàng hóa có lỗi và bên mua yêu cầu bên bán thay thế hàng hóa theo nội dung mà hợp đồng đã quy định.

Luật hợp đồng của Trung Quốc: quy định khi một bên không thực hiện hoặc thực hiện không tốt nghĩa vụ của mình thì bên còn lại có quyền yêu cầu bên vi phạm thực hiện nghĩa vụ, chịu phạt vi phạm theo quy định của hợp đồng hoặc hủy hợp đồng.

Theo pháp luật Việt Nam: Luật thương mại quy định: Buộc thực hiện đúng hợp đồng là việc bên bị vi phạm yêu cầu bên vi phạm thực hiện đúng hợp đồng hoặc dùng các biện pháp khác để hợp đồng được thực hiện và bên vi phạm phải chịu chi phí phát sinh. Luật Thương mại Việt Nam năm 2005 cũng như pháp luật của hầu hết các nước trên thế giới đều quy định về chế tài buộc thực hiện đúng hợp đồng khá tương đồng với Công ước Viên.

2.2.2. Chế tài phạt vi phạm

Pháp luật Việt Nam cũng như pháp luật nhiều quốc gia có quy định về chế tài phạt vi phạm. Tuy nhiên Công ước Viên năm 1980 lại không có quy định về chế tài phạt vi phạm. Do đó khi áp dụng chế tài này trong Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế thì các bên phải lựa chọn áp dụng pháp luật quốc gia để điều chỉnh hợp đồng.

Về mức phạt do vi phạm hợp đồng: Luật thương mại quy định: Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thoả thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

2.2.3. Chế tài bồi thường thiệt hại

Theo Công ước Viên thì tất cả các trường hợp vi phạm hợp đồng bên bị vi phạm đều có quyền yêu cầu bên vi phạm bồi thường thiệt hại.

Thiệt hại được bồi thường: Pháp luật các nước đều có quy định thiệt hại thế nào mới là đối tượng của bồi thường: hầu hết các quốc gia trên thế giới đều quy định thiệt hại trực tiếp do hành vi vi phạm hợp đồng mới được bồi thường, những thiệt hại gián tiếp sẽ không được bồi thường:

Giá trị thiệt hại được bồi thường: vấn đề này pháp luật các quốc gia

quy định có nhiều điểm giống nhau, tuy nhiên cũng có những điểm khác biệt và được pháp luật thương mại quốc tế thừa nhận:

Về nghĩa vụ hạn chế thiệt hại và nghĩa vụ chứng minh thiệt hại: Bên yêu cầu bồi thường thiệt hại phải áp dụng các biện pháp hợp lý để hạn chế tổn thất kể cả tổn thất đối với khoản lợi trực tiếp đáng lẽ được hưởng do hành vi vi phạm hợp đồng gây ra. Đồng thời bên yêu cầu bồi thường thiệt hại phải chứng minh tổn thất, mức độ tổn thất do hành vi vi phạm gây ra và khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm.

2.2.4. Chế tài tạm ngừng thực hiện hợp đồng

Đây là chế tài chỉ có ở Pháp luật Việt Nam mà Công ước Viên hay pháp luật các nước trên thế giới không quy định. Chế tài này là chế tài mới được quy định trong Luật Thương mại năm 2005 mà Luật Thương mại năm 1997 chưa quy định.

2.2.5. Chế tài đình chỉ thực hiện hợp đồng

Đình chỉ thực hiện hợp đồng là chế tài áp dụng khi có vi phạm hợp đồng. Cũng giống như chế tài tạm ngừng thực hiện hợp đồng, đình chỉ thực hiện hợp đồng là chế tài riêng có của pháp luật Việt Nam. Và chế tài này cũng mới được đưa vào Luật Thương mại Việt Nam 2005 mà Luật Thương mại trước đó chưa có.

2.2.6. Chế tài hủy bỏ hợp đồng

Công ước Viên quy định những trường hợp người bán vi phạm hợp đồng và người mua có quyền hủy bỏ hợp đồng tại điều 49, khoản 1: Nếu việc người bán không thực hiện một nghĩa vụ nào đó của họ phát sinh từ hợp đồng hay từ Công ước này cấu thành một vi phạm chủ yếu đến hợp đồng. Vi phạm chủ yếu này theo Công ước là vi phạm cơ bản. Chế tài này được áp dụng kể từ sau thời điểm ký kết hợp đồng mà không cần phải đến khi thực hiện hợp đồng mới được áp dụng. Chế tài hủy bỏ hợp đồng có thể áp dụng đối với từng phần của hợp đồng mà không bắt buộc phải áp dụng đối với toàn bộ hợp đồng trong trường hợp giao hàng từng phần

Pháp luật Việt Nam quy định: Hủy bỏ hợp đồng bao gồm hủy bỏ toàn bộ hợp đồng và hủy bỏ một phần hợp đồng.

Về thủ tục hủy hợp đồng, bên bị vi phạm có nghĩa vụ chứng minh tuyên bố hủy hợp đồng của mình là căn cứ theo luật định hoặc hợp đồng quy định; đồng thời phải thông báo cho bên còn lại biết về quyết định của mình trừ trường hợp hợp đồng tự hủy theo thỏa thuận của hai bên.

Trong trường hợp bên muốn hủy hợp đồng không thông báo hoặc quên thông báo thì họ sẽ mất quyền hủy hợp đồng trong nhiều trường hợp.

Hậu quả của việc hủy hợp đồng

Pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia tương đối thống nhất về hậu quả pháp lý khi Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bị hủy bỏ: Công ước Viên, Bộ nguyên tắc UNIDROIT hay như Luật thương mại Việt Nam đều quy định những hậu quả cơ bản như sau: Một là hủy bỏ hợp đồng giải phóng các bên khỏi nghĩa vụ của mình được quy định trong hợp đồng trừ những khoản bồi thường thiệt hại có thể có. Hai là các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Ba là Bên vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế mà có lỗi thì phải bồi thường thiệt hại cho bên kia và/hoặc nộp tiền phạt nếu hợp đồng có quy định phạt vi phạm.

2.3. Trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo quy định của Công ước Viên năm 1980 và pháp luật quốc gia

2.3.1. Điểm giống nhau

Công ước Viên và pháp luật các quốc gia đều quy định giống nhau về căn cứ phát sinh trách nhiệm, các hình thức trách nhiệm cơ bản và nội dung cơ bản của các hình thức trách nhiệm, mức độ trách nhiệm, trường hợp loại trừ trách nhiệm cho bên bị vi phạm, cơ quan tài phán.

2.3.2. Sự khác nhau trong quy định của Công ước Viên và pháp luật quốc gia về các hình thức trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Bên cạnh những điểm giống nhau thì Công ước Viên và pháp luật các quốc gia còn nhiều điểm khác nhau trong quy định về các hình thức trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế: hình thức trách nhiệm, thiệt hại do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, chế tài bồi thường thiệt, chế tài phạt vi phạm.

2.4. Các căn cứ miễn trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

2.4.1. Sự kiện bất khả kháng

Quy định của Công ước Viên về bất khả kháng: Một bên không chịu trách nhiệm về việc không thực hiện bất kỳ một nghĩa vụ nào đó của họ nếu chứng minh được rằng việc không thực hiện ấy là do một trở ngại nằm ngoài sự kiểm soát của họ và người ta không thể chờ đợi một cách hợp lý rằng họ phải tính tới trở ngại đó vào lúc ký kết hợp đồng hoặc lý tránh đýợc hay khắc phục các hậu quả của nó. Để đýợc miễn trách nhiệm, bên vi phạm phải thực hiện hai nghĩa vụ: Nghĩa vụ thứ nhất là chứng minh sự kiện bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới vi phạm hợp đồng. Nghĩa vụ thứ hai là bên gặp sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay cho bên kia biết trong một thời gian hợp lý.

Pháp luật quốc gia quy định về bất khả kháng:

Theo quy định của UCC: bất khả kháng là hiện tượng khách quan không lường trước đýợc, xảy ra bất ngờ, hậu quả không thể khắc phục đýợc, và khi đó sẽ trở thành căn cứ để bên vi phạm Hợp đồng đýợc miễn trách nhiệm.

Pháp luật Anh quy định: sau khi các bên ký Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế mà xuất hiện sự kiện khách quan không phát sinh từ lỗi của các bên trong hợp đồng như: lệnh cấm xuất khẩu đđt ngọt của chính phủ, phương thức thực hiện hợp đồng không khả thi thì bên vi phạm hợp đồng đýợc miễn trách.

Pháp luật Trung Quốc quy định về bất khả kháng: Cũng như Công ước Viên, Trung Quốc cũng quy định bất khả kháng là căn cứ miễn trách nhiệm pháp đđnh.

Pháp luật Việt Nam quy định về bất khả kháng như sau: Bộ luật Dân sự quy đđnh sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước đýợc và không thể khắc phục đýợc mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

Hậu quả của sự kiện bất khả kháng:

Công ước Viên và pháp luật các nước đều có quy đđnh về hậu quả

của sự kiện bất khả kháng đối với hợp đồng, tựu chung lại có hai hậu quả chủ yếu là: Hậu quả thứ nhất là chấm dứt hợp đồng. Hậu quả thứ hai là kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng.

2.4.2. Miễn trách nhiệm do lỗi của bên bị vi phạm

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, khi một bên vi phạm nghĩa vụ hợp đồng mà nguyên nhân xuất phát từ lỗi của bên bị vi phạm thì bên vi phạm được miễn trách nhiệm cho vi phạm hợp đồng đó. Để được miễn trách nhiệm do vi phạm hợp đồng trong trường hợp này thì bên vi phạm phải chứng minh được hai điều kiện: thứ nhất, bên vi phạm không có lỗi, sự vi phạm hợp đồng của họ là do hành vi hay sơ suất của bên bị vi phạm – tức là do lỗi của bên bị vi phạm. Thứ hai, có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi, sơ suất của bên bị vi phạm và việc vi phạm hợp đồng.

Pháp luật Việt Nam quy định trường hợp này tương đồng và phù hợp với luật quốc tế.

2.4.3. Miễn trách nhiệm theo quy định của Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Các bên được quyền thỏa thuận trong Hợp đồng các trường hợp mà việc vi phạm Hợp đồng sẽ được miễn trách nhiệm. Thỏa thuận này có hiệu lực pháp lý như các nội dung khác của Hợp đồng xuất phát từ nguyên tắc tự do hợp đồng.

2.4.4. Miễn trách nhiệm khi người thứ ba có quan hệ với một bên của hợp đồng gặp bất khả kháng

Người thứ ba được xét tới ở đây là người có quan hệ hợp đồng với một bên trong Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và người này gặp bất khả kháng ảnh hưởng tới việc thực hiện hợp đồng.

Công ước Viên quy định: Nếu một bên không thực hiện nghĩa vụ của mình do người thứ ba mà họ nhờ thực hiện toàn phần hay một phần hợp đồng cũng không thực hiện điều đó thì bên ấy chỉ được miễn trách nhiệm trong trường hợp: Được miễn trách nhiệm chiếu theo quy định của khoản trên, và Nếu người thứ ba cũng sẽ được miễn trách nếu các quy định của khoản trên được áp dụng cho họ.

Luật hợp đồng của Trung Quốc quy định: bên thứ ba có lỗi khiến cho một bên không thực hiện được nghĩa vụ của mình thì bên đó vẫn phải chịu trách nhiệm trước bên còn lại. Tranh chấp giữa bên vi phạm với bên thứ ba sẽ được giải quyết theo pháp luật hoặc sự thỏa thuận của hai bên.

Pháp luật Việt Nam còn bỏ ngỏ vấn đề này.

2.4.5. Trường hợp miễn trách nhiệm khác

Trường hợp miễn trách nhiệm do điều kiện khách quan thường là sự kiện ngẫu nhiên xảy ra khi hợp đồng đã được giao kết mà khi ký kết các bên không nghĩ sự kiện đó có thể xảy ra; hoặc quy định của chính phủ mà các bên mang quốc tịch hoặc chính phủ thứ ba liên quan làm cho hợp đồng vô hiệu hoặc không thể thực hiện được hoặc làm cho các bên buộc phải vi phạm hợp đồng.

Nằm trong trường hợp miễn trách nhiệm do điều kiện khách quan, Pháp luật Việt Nam quy định rõ các bên của Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế được miễn trách nhiệm do vi phạm hợp đồng nếu việc vi phạm đó là do quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Hậu quả pháp lý chung của các trường hợp được miễn trách nhiệm

Khi một bên vi phạm hợp đồng được Cơ quan tài phán tuyên bố là thuộc trường hợp được miễn trách nhiệm thì hợp đồng tự động chấm dứt kể từ thời điểm xảy ra sự kiện dẫn đến miễn trách nhiệm.

Tuy nhiên việc các bên thực hiện hợp đồng kể từ thời điểm giao kết đến trước khi sự kiện miễn trách nhiệm xảy ra có thể để lại các trách nhiệm pháp lý giữa các bên với nhau.

Chương 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ

3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam về chế độ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về chế độ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế nhằm tạo điều kiện để doanh nghiệp Việt Nam chọn luật Việt Nam áp dụng cho hợp đồng

Luật chuyên ngành của Việt Nam điều chỉnh quan hệ này là Luật thương mại năm 2005, tuy đã được cải thiện nhiều so với các luật cũ như Pháp lệnh hợp đồng kinh tế năm 1989, Luật thương mại năm 1997 nhưng vẫn bộc lộ những hạn chế nhất định, cần được hoàn thiện để thực sự trở thành công cụ bảo vệ doanh nghiệp Việt Nam, là luật mà họ luôn lựa chọn để điều chỉnh Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về chế độ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế để tạo thuận lợi cho các cơ quan tài phán khi giải quyết tranh chấp về Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Để đáp ứng yêu cầu giải quyết tranh chấp, các quy định liên quan đến trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế của Việt Nam càng được hoàn thiện sẽ càng tạo điều kiện để các cơ quan tài phán hoàn thành được sứ mệnh của mình.

3.2. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam về chế độ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

3.2.1. Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về chế độ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về chế độ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế phải được thực hiện trong sự hoàn thiện đồng bộ các văn bản pháp luật Việt Nam về Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế:

Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về chế độ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo hướng tương thích với pháp luật quốc tế về mua bán hàng hóa quốc tế:

Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về chế độ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế nhằm loại bỏ sự mâu thuẫn giữa các văn bản luật, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho doanh nghiệp Việt Nam khi tham gia vào quan hệ mua bán hàng hóa quốc tế

3.2.2. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam về trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Hoàn thiện các quy định về căn cứ miễn trách nhiệm: Thứ nhất là hoàn thiện theo hướng đồng bộ, thống nhất giữa Bộ luật dân sự và Luật thương mại đối với các quy định về căn cứ miễn trách. Thứ hai là bổ sung vào Bộ luật dân sự, Luật thương mại trường hợp miễn trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế vì lỗi của người thứ ba. Thứ ba là cần quy định rõ hơn về căn cứ miễn trách nhiệm “do các bên thỏa thuận. Thứ tư là hoàn thiện quy định về căn cứ miễn trách nhiệm do thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Hoàn thiện các quy định về chế tài do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế: Thứ nhất là cần thiết loại bỏ những quy định mang tính chất chồng chéo, trùng lặp về chế tài do vi phạm hợp đồng trong Bộ luật Dân sự và Luật thương mại. Thứ hai là cần quy định rõ và cụ thể về “vi phạm cơ bản” trong Luật thương mại năm 2005. Thứ ba là thống nhất về mức phạt do vi phạm hợp đồng trong Bộ luật dân sự và Luật thương mại.

Hoàn thiện các quy định khác liên quan tới trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế: Hoàn thiện các quy định về sự kiện bất khả kháng.

Hoàn thiện các thủ tục để Việt Nam gia nhập Công ước Viên năm 1980 về Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế:

KẾT LUẬN

Thương mại quốc tế nói chung và mua bán hàng hóa quốc tế nói riêng ngày càng có vai trò quan trọng trong nền kinh tế nước ta. Chính phủ luôn có những chính sách ưu tiên, hỗ trợ để phát triển thương mại quốc tế, cũng như hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam trên con đường hội nhập kinh tế quốc tế. Để thúc đẩy kinh tế ngoại thương phát triển nhanh, mạnh và vững chắc cần phải tạo cho quanh nó những yếu tố thuận lợi. Trong đó yếu tố vừa mang tính tiên quyết, vừa mang tính đòn bẩy, hỗ trợ cho mua bán

hàng hóa quốc tế phát triển là pháp luật. Pháp luật điều chỉnh quan hệ mua bán hàng hóa quốc tế bao gồm luật quốc tế và nội luật – tuy nằm trong khuôn khổ này, nhưng quyền và nghĩa vụ cụ thể của các doanh nghiệp tham gia quan hệ mua bán hàng hóa quốc tế được xác định bởi Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

Khi giao kết Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, phần lớn trường hợp là các bên mong muốn thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của mình theo hợp đồng để đạt được lợi ích như kỳ vọng. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng cũng có thể xảy ra trường hợp một hoặc các bên vi phạm hợp đồng như: không thực hiện đúng, không thực hiện đầy đủ, chậm thực hiện nghĩa vụ...theo hợp đồng. Thậm chí không ít trường hợp một bên cố tình vi phạm hợp đồng nhằm đạt được các mục đích của riêng họ. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia quan hệ mua bán hàng hóa quốc tế, pháp luật điều chỉnh chế độ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế luôn đóng vai trò quan trọng trong hệ thống các quy định pháp luật điều chỉnh Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế trong cả lý luận và thực tiễn. Bởi ngoài vai trò bảo vệ quyền lợi cho bên bị vi phạm trong Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, các quy định về chế độ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế còn là công cụ pháp lý hữu hiệu để nhà nước điều chỉnh và củng cố kỷ luật hợp đồng, răn đe đối tượng mưu cầu trục lợi bằng việc vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

Trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế được quy định bởi pháp luật quốc tế và pháp luật của mỗi quốc gia điều chỉnh quan hệ mua bán hàng hóa quốc tế. Pháp luật quốc tế bao gồm các điều ước về thương mại quốc tế đa phương, song phương, các tập quán thương mại quốc tế, trong đó đáng kể nhất và được áp dụng rộng rãi nhất là Công ước Viên năm 1980 về Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

Pháp luật Việt Nam điều chỉnh chế độ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bởi Bộ luật dân sự năm 2005 và Luật thương mại năm 2005. Hai văn bản luật này về cơ bản đã tạo được một hành lang pháp lý điều chỉnh hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế nói

chung và khung pháp lý đối với vấn đề trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế nói riêng. Tuy nhiên hai văn bản luật này vẫn chưa có được sự thống nhất và đồng bộ khi điều chỉnh quan hệ kinh tế này, gây khó khăn trong việc áp dụng, không tạo được lòng tin cho doanh nghiệp khi chọn luật Việt Nam để áp dụng cho Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Bên cạnh đó, Luật thương mại được ban hành năm 2005 khi Việt Nam chuẩn bị gia nhập Tổ chức thương mại quốc tế, đến nay đã thể hiện ít nhiều sự lạc hậu khi Việt Nam đã là thành viên của WTO và đang hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ với hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế ngày càng phát triển.

Việc nghiên cứu pháp luật điều chỉnh chế độ trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, trong đó có sự so sánh, đối chiếu giữa pháp luật Việt Nam với pháp luật quốc tế và pháp luật các nước phát triển và trong khu vực là cần thiết. Tác giả mong muốn kết quả của việc nghiên cứu góp phần giúp các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế có cái nhìn toàn diện về các vấn đề liên quan tới quyền và nghĩa vụ của mình, đặc biệt là vấn đề trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Qua đó các doanh nghiệp sẽ trang bị cho mình những kiến thức pháp lý cần thiết để đàm phán và ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế một cách công bằng trên cơ sở năng lực cạnh tranh và hiểu biết pháp luật. Để từ đó, việc thực hiện Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế được thuận lợi, đồng thời bảo vệ được quyền lợi của mình trong quan hệ mua bán hàng hóa quốc tế kể cả trong trường hợp bị vi phạm hay vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.